

Bản án số: 118/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 19 – 6 – 2020  
V/v “Ly hôn & tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Quốc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lương Thị Hồng Thắm;
2. Ông Nguyễn Hồng Tuấn;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 392/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Thúy V, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp Phước Đông, xã Phước Chi, thị xã TB, tỉnh TN.

Tạm trú: Số 449, tổ 12B, khu phố Bình Nguyên 2, phường Gia Bình, thị xã TB, tỉnh TN.

**- Bị đơn:** Anh Trịnh Duy T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp An Ninh, xã An Ninh Tây, huyện ĐH, tỉnh LA.

(Chị V có mặt, anh T có đơn đề nghị vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2020, nguyên đơn chị Võ Thị Thúy V trình bày: Chị và anh Trịnh Duy T là vợ chồng cưới nhau từ năm 2017, đến ngày 24/11/2017 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Ninh Tây cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, đến năm 2019 vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, không tìm được tiếng nói chung, anh T không quan tâm lo lắng cho chị, vợ chồng chị ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về tình cảm: Chị Võ Thị Thúy V yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Duy T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Gia Hân, sinh ngày 11/9/2018, hiện con đang sống với chị V. Khi ly hôn, chị V xin được nuôi con, chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Duy T trình bày: Tại bản tự khai ngày 04/6/2020, anh T có ý kiến thống nhất về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, con chung như chị V đã trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng: Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không ai quan tâm đến ai, anh và chị V có nhà riêng nhưng chị V không về chung sống với anh nên vợ chồng không hòa hợp được, anh cảm thấy bất mãn trong mối quan hệ hôn nhân trên, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Nay chị V xin ly hôn, anh T không đồng ý, nhưng không mong đoàn tụ. Nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn, về con chung anh T đồng ý giao con chung tên Trịnh Gia Hân, sinh ngày 11/9/2018 cho chị V nuôi, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T bận đi làm ở xa nên đề nghị xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Chị Võ Thị Thúy V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Duy T, Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về tố tụng:* Bị đơn anh Trịnh Duy T có đề nghị xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. *Về nội dung vụ án:*

[3.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Ninh Tây, huyện ĐH, tỉnh LA vào ngày 24/11/2017 nên hôn nhân giữa chị V và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh T: Chị V cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, anh T không quan tâm lo lắng cho chị, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Căn cứ bản tự khai ngày 04/6/2020, thì anh T thừa nhận lời trình bày của chị V là đúng về thời gian chung sống cũng như mâu thuẫn gia đình, vợ chồng có thường xuyên cãi nhau, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không hòa hợp được, anh cảm thấy bất mãn trong mối quan hệ hôn nhân này, không mong đoàn tụ. Nhưng anh T không đồng ý ly hôn với chị V. Xét ý kiến của chị V trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã

ly thân từ tháng 9/2019 đến nay và cương quyết ly hôn. Từ đó, Hội đồng xét xử xét hôn nhân giữa chị V với anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, nên chị V yêu cầu xin ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Gia Hân, sinh ngày 11/9/2018, hiện con đang sống với chị V. Khi ly hôn, chị V và anh T thống nhất giao con chung cho chị V nuôi xin được nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét cháu Hân đã trên 36 tháng tuổi, chị V cũng có công Vệc ổn định, có điều kiện nuôi con tốt nên để đảm bảo sự phát triển ổn định về tâm lý của cháu Hân nên cần ghi nhận sự thỏa thuận giao con chung Trịnh Gia Hân cho chị V nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị Thúy V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[3.4]. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Thúy V và anh Trịnh Duy T thống nhất xác định không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5]. Về nợ chung: Chị Võ Thị Thúy V và anh Trịnh Duy T thống nhất xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc nguyên đơn chị Võ Thị Thúy V phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Võ Thị Thúy V với anh Trịnh Duy T.

Chị Võ Thị Thúy V được ly hôn với anh Trịnh Duy T.

2. Về con chung: Chị Võ Thị Thúy V được quyền nuôi con chung tên Trịnh Gia Hân, sinh ngày 11/9/2018, hiện con chung đang sống với chị V. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị V không yêu cầu.

3. Về quyền chăm sóc con chung: Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường

hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng Việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong Việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, Việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Thúy V và anh Trịnh Duy T thống nhất xác định không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Chị Võ Thị Thúy V và anh Trịnh Duy T thống nhất xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Võ Thị Thúy V phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị V đã nộp theo biên lai số 0005185 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành. Chị V đã nộp xong.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã An Ninh Tây (để biết);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Quốc**